TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HS-ST
Ngày: 14/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Ngọc Lâm
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Ngọc Trường
Ông Hoàng Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương - Kiểm sát viên

Ngày 14/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2024/TLST-HS ngày 20/5/2024; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HS ngày 31/5/2024, đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988, tại huyện K, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nữ.

HKTT: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện tại: thôn N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên nhân viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H; Con ông: Nguyễn Đức T, sinh năm: 1957; Con bà: Vũ Thị N, sinh năm: 1961. Gia đình có bốn anh em, bị cáo là thứ tư.

Chồng: Vũ Trường G, sinh năm: 1987 (đã ly hôn);

Bị cáo có 01 con, sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H từ ngày 18/9/2023 đến ngày 21/11/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho Bảo L. (Có mặt).

**** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh: Trần Hữu N1, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Số F, Ngõ chợ cũ, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt).

2.Chị: Trần Thị N2, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Số A V, phường L, thành phố H (Vắng mặt).

3/Anh: Trần Quốc V, sinh năm 1976

Trú tại: số H, ngõ B T, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4/Bà: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1936

Trú tại: đường B, phường H, TP ., tỉnh Hưng Yên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

1/Chị: Đinh Thị Lan H1, sinh năm 1980

Địa chỉ: số I, đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/Bà: Vũ Thị N, sinh năm 1961

Địa chỉ: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1988, trú tại: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên - là cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H được phân công thực hiện một số nhiệm vụ, trong đó có việc thực hiện Đăng ký quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phường H, thành phố H.

Khoảng tháng 6/2021, chị Trần Thị N2, sinh năm 1977, trú tại: số A V, phường L, thành phố H có nhờ Trần Hữu N1, sinh năm 1987, trú tại: số F Ngõ chợ C1, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên là nhân viên Văn phòng C2 làm hồ sơ thủ tục để nộp cho Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H xin cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa đất số 48, tờ bản đồ số 54, địa chỉ: đường B, phường H, thành phố H cho ông Trần Quốc C, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1936 (là bố, mẹ chồng của chị N2).

Do có mối quan hệ quen biết với H, anh N1 đã đặt vấn đề nhờ H quan tâm, làm nhanh thủ tục thẩm định và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho chị N2. H đồng ý và yêu cầu anh N1 đưa cho H số tiền 16.000.000 đồng (ngoài quy định). Ngày 30/8/2021, anh N1 sử dụng tài khoản số 341001060000403 Ngân hàng B mang tên Trần Hữu N1 chuyển số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) đến tài khoản số 103006357314 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Thị H. Sau khi nhận tiền, ngày 21/9/2021 H đã soạn "*Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* để ông C ký tên và trực tiếp mang đơn trên đến nộp cho anh Trần Quốc V, sinh năm 1976, trú tại: số H, ngõ B T, phường A, TP ., tỉnh Hưng Yên là cán bộ địa chính phường H. Sau khi hoàn thiện thủ tục tại phường, anh V đã chuyển lại toàn bộ hồ sơ cho H, H đã

tiến hành làm nhanh các thủ tục thẩm định, trình lãnh đạo Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho ông C, bà T1 (hiện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC191340 ngày 14/4/2022 mang tên ông C và bà T1).

Quá trình mở rộng điều tra vụ án nhận hối lộ xảy ra tại một số Chi nhánh văn phòng Đ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Chi cục thuế khu vực thành phố H - huyện K và Phòng tài nguyên - môi trường huyện K liên quan đến các đối tượng anh N1 đã đưa tiền. Qua tra cứu nội dung tin nhắn Zalo trên điện thoại của anh N1, Cơ quan điều tra đã phát hiện tin nhắn trao đổi giữa H và anh N1 thỏa thuận thể hiện H đòi anh N1 đưa tiền ngoài quy định để làm nhanh thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà T1 như đã nêu trên.

Ngày 30/3/3023, sau khi thấy một số đối tượng tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H bị khởi tố về tội nhận hối lộ, H đã chủ động liên hệ gặp anh N1 và nhờ anh N1 khai báo với Cơ quan điều tra về việc mặc dù trước đó anh N1 có đưa tiền cho H làm nhanh thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà T1 nhưng do H không làm nhanh được nên đã trả lại tiền cho N1. H nhờ anh N1 ký vào 02 Giấy nhận tiền đều có nội dung thể hiện H đã trả lại số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) cho anh N1, thực tế H chưa trả số tiền trên. Sau đó, H nhờ chị Đinh Thị Lan H1, sinh năm 1980, trú tại: số I đường P, phường H, TP ., tỉnh Hưng Yên gặp anh N1 và nhờ anh N1 ký vào mục người nhận tiền. Quá trình điều tra, bà Vũ Thị N - mẹ đẻ H đã giao nộp lại 02 giấy tờ trên cho Cơ quan điều tra - Công an tỉnh H.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, đồng thời xác định chiếc điện thoại H sử dụng để nhắn tin yêu cầu anh N1 đưa tiền đã bị mất. Vì vậy, Cơ quan điều tra không quản lý được chiếc điện thoại này. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai nhận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động đến gia đình tự nguyện nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) bị cáo đã nhận của anh N1. Hiện Cơ quan điều tra đã nộp toàn bộ số tiền trên vào tài khoản tạm thu của Cơ điều tra - Công an tỉnh H tại Kho bạc Nhà nước tỉnh H.

Cáo trạng số 58/CT-VKS-P3 ngày 20/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội "*Nhận hối lộ",* quy định tại điểm g khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung Bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "***Nhận hối lộ***".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 354; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 21/11/2023).

Ngoài ra, VKS còn đề nghị về biện pháp tư pháp, án phí và một số nội dung khác theo quy định.

*Bị cáo thành khẩn khai nhận và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo nhất trí và không tranh luận với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo cải tạo sớm trở về gia đình và hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan Điều tra - Công an tỉnh H, Điều tra viên; Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về hành vi phạm tội của bị cáo:*

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp khách quan với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà như: Lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng tháng 6/2021, chị Trần Thị N2 có nhờ Trần Hữu N1 là nhân viên Văn phòng C2 làm hồ sơ thủ tục để nộp cho Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H xin cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa đất số 48, tờ bản đồ số 54, địa chỉ: đường B, phường H, thành phố H cho ông Trần Quốc C, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1936 (là bố, mẹ chồng của chị N2). Do có mối quan hệ quen biết với H, anh N1 đã đặt vấn đề nhờ H quan tâm, làm nhanh thủ tục thẩm định và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho chị N2. H đồng ý và yêu cầu anh N1 đưa cho

H số tiền 16.000.000 đồng (ngoài quy định). Sau khi nhận tiền, ngày 21/9/2021 H đã soạn "*Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* để ông C ký tên và trực tiếp mang đơn trên đến nộp cho anh Trần Quốc V là cán bộ địa chính phường H. Sau khi hoàn thiện thủ tục tại phường, anh V đã chuyển lại toàn bộ hồ sơ cho H, H đã tiến hành làm nhanh các thủ tục thẩm định, trình lãnh đạo Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho ông C, bà T1 (hiện Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC191340 ngày 14/4/2022 mang tên ông C và bà T1). Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Nhận hối lộ" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất của hành vi phạm tội, vị trí vai trò của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, vì mục đích kiếm tiền bất chính của mình bị cáo cố ý xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức làm mất uy tín, giảm lòng tin của nhân dân trong hoạt động quản lý Nhà nước, gây dư luận xấu trên địa bàn. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc nhận tiền của người khác ngoài quy định để thực hiện công việc cho người đưa hối lộ là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích của mình mà các bị cáo bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên cần xử lý nghiêm trước pháp luật.

[4]. Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo:

** Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

** Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình khắc phục nộp lại toàn bộ số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, hiện đang là mẹ đơn thân nuôi con nhỏ và xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo có đơn đề nghị xác định trong quá trình công tác luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ của đoàn viên Công đoàn. Bản thân tham gia đầy đủ, thường xuyên các hoạt động của Công đoàn, có xác nhận của Công đoàn cơ quan chính quyền thành phố H. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng thêm quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

** Về nhân thân:* Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

***[5]. Về quyết định hình phạt*:**

Mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, hoàn cảnh gia đình hiện nay rất khó khăn. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, bị cáo đã lợi dụng vị trí công tác của mình để sách nhiễu, đòi hối lộ. Do vậy, khi cân nhắc hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử cân nhắc cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, khi cân nhắc hình phạt đối với bị cáo, hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới khung và ở khung hình phạt liền kề.

**** Về hình phạt bổ sung:*** Bị cáo lợi dụng quyền hạn được giao để thực hiện hành vi phạm tội lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo làm các công việc nhất định liên quan lĩnh vực mà bị cáo phụ trách trước khi phạm tội trong thời gian nhất định. Tuy nhiên, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang là mẹ đơn thân nuôi con nhỏ, không có công việc và thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) bị cáo đã nhận hối lộ, quá trình điều tra bị cáo đã tác động đến gia đình tự nguyện khắc phục nộp lại toàn bộ số tiền trên nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

g bi niêm phong ký hiệu M3, bên trong có: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 vở màu đồng, số IMEI: 35298509052614

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 3; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/*Về tội danh và hình phạt*:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "***Nhận hối lộ".***

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 354; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn kể từ ngày bị cáo đi thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 21/11/2023).

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) do bị cáo khắc phục hậu quả.

3. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT- CA tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hưng Yên (PC53);
- Bị cáo; người có QL&NV liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Lâm